FireAnt

CTCP Hưng Thịnh Incons (HSX: HTN)

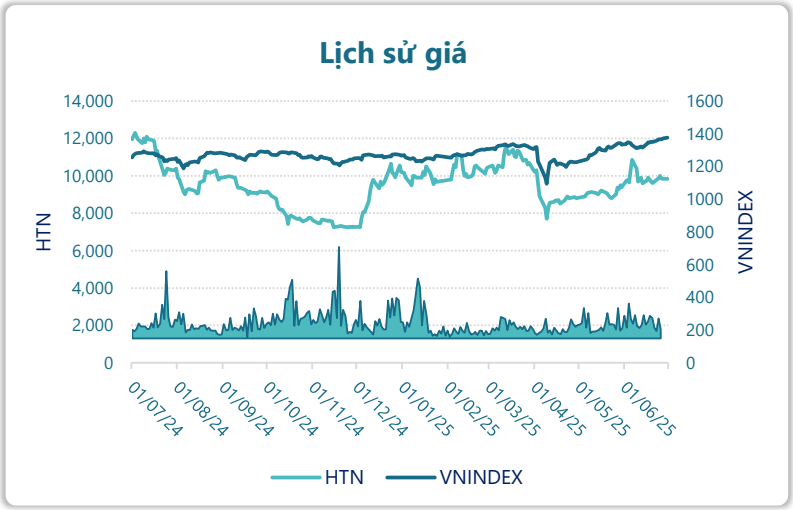

Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**9,840**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	12,300
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	7,250
SL cổ phiếu LH	89,116,411
KLGD BQ 20 phiên (CP)	562,965
% sở hữu nước ngoài	0.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	877
P/E	17.8
EPS	552

DT thuần

Q2/25

139

tỷ VNĐ

QoQ: ▼91.0| -39.4%

YoY: ▼298| -68.1%

LN sau thuế

Q2/25

16.7

tỷ VNĐ

QoQ: ▼10.6| -38.8%

YoY: ▲ 13.7| 463%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

44.8%

+/- YoY: ▲ 29.2%

DT thuần

6T 2025

369

tỷ VNĐ

YoY: ▼532| -59.0%

LN sau thuế

6T 2025

44.0

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 30.7| 231%

ROE

Q2/25

3.2%

Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh

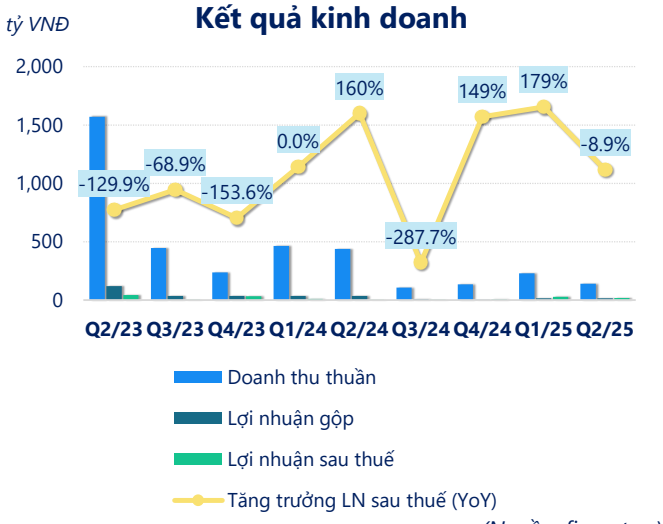

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

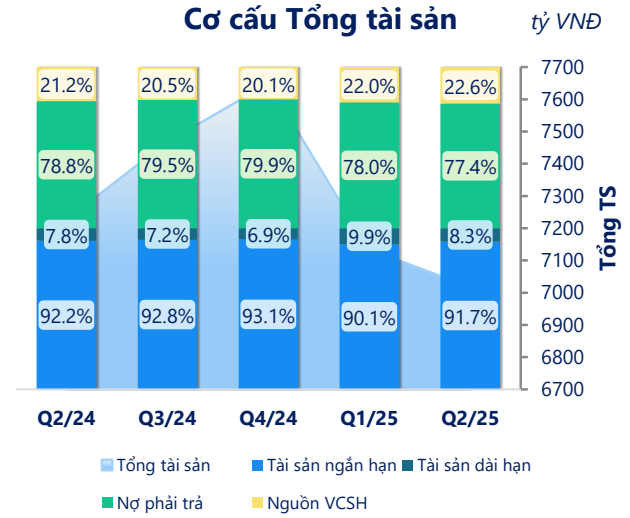

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

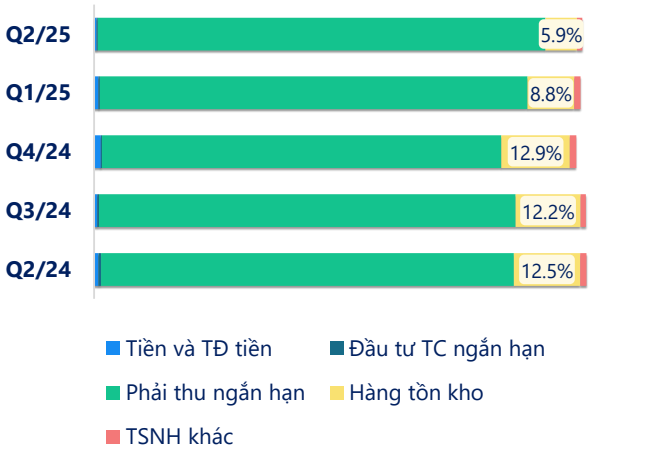

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

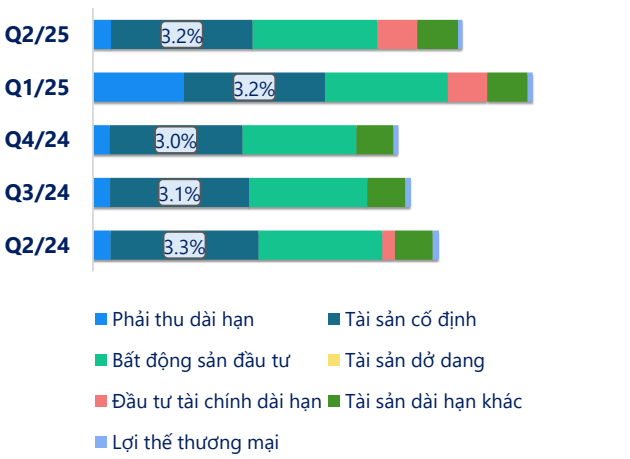

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

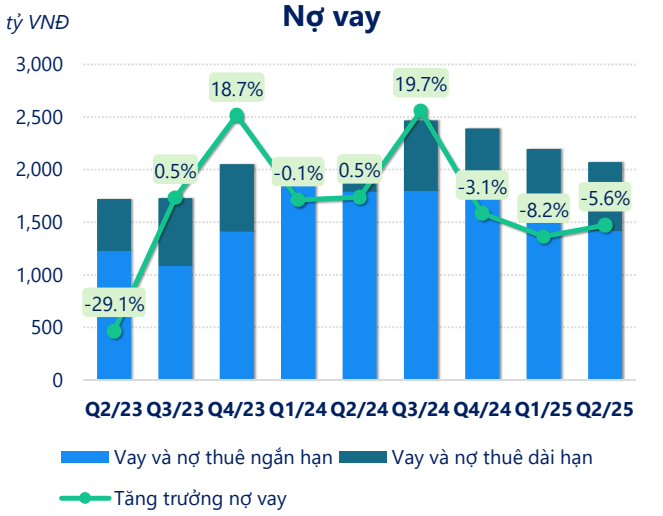

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

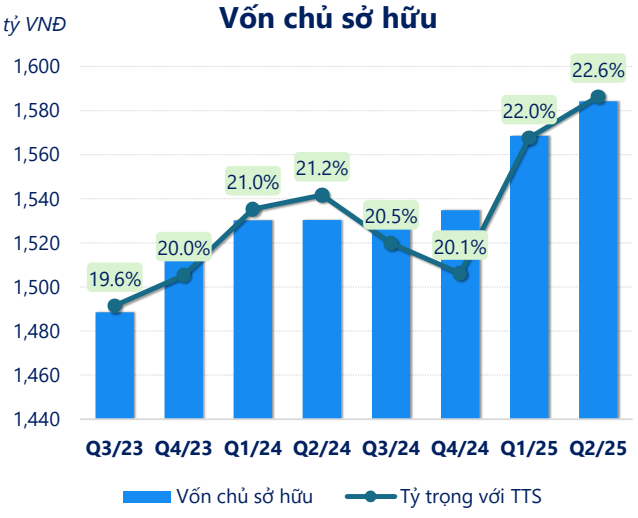

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

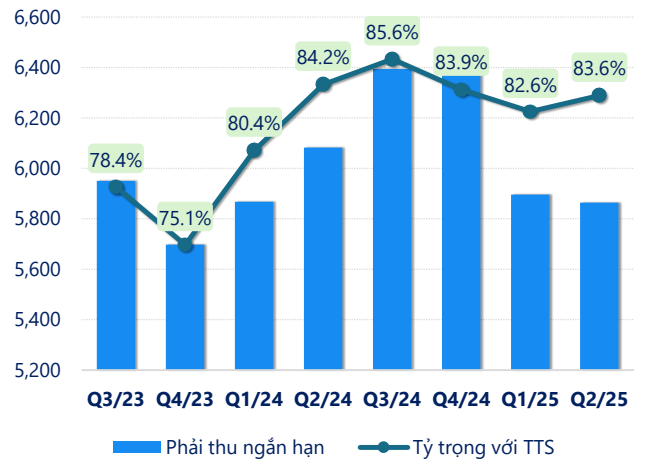

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

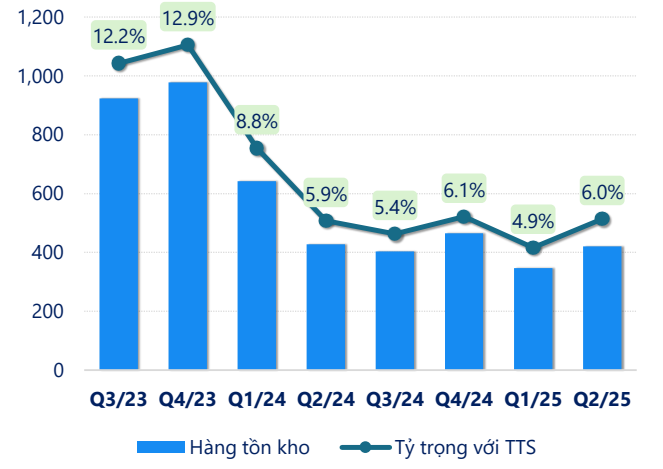

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

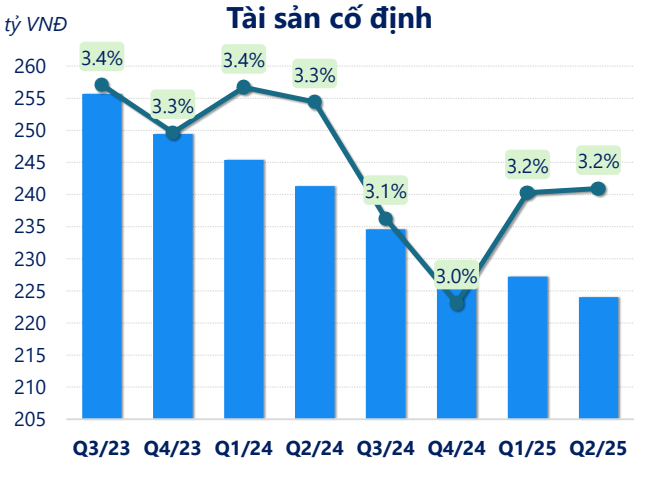

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

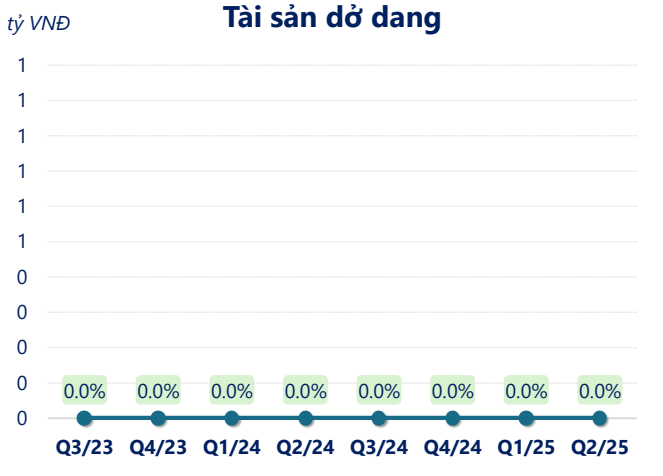

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

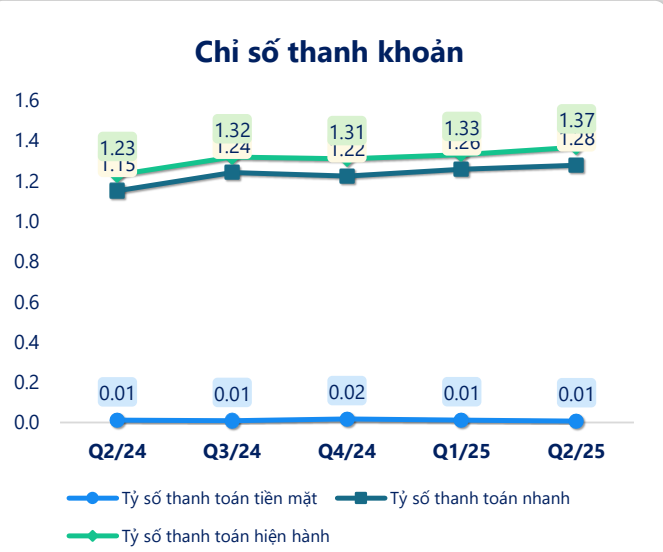

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

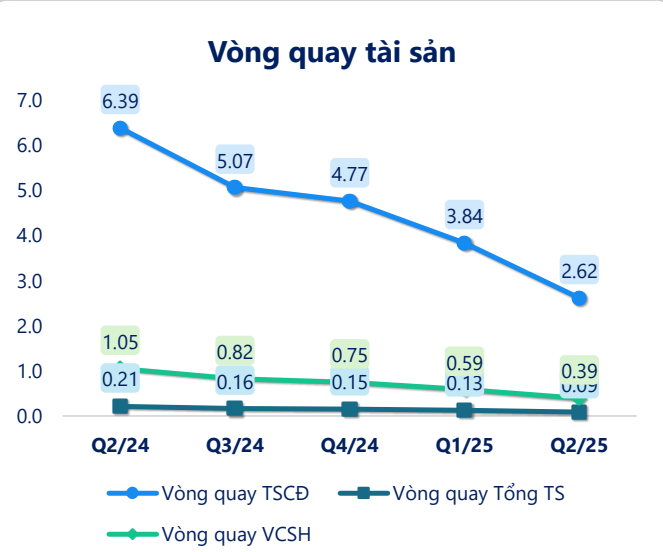

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**7,227**	**7,468**	**7,649**	**7,134**	**7,018**
Tài sản ngắn hạn	**6,662**	**6,932**	**7,121**	**6,427**	**6,432**
Tiền và tương đương tiền	60.1	44.1	95.4	57.5	32.4
Đầu tư tài chính ngắn hạn	18.6	18.7	40.2	40.3	18.8
Phải thu ngắn hạn	6,083	6,394	6,417	5,896	5,864
Hàng tồn kho	428	404	466	347	421
Tài sản ngắn hạn khác	72.6	71.5	103	86.4	96.4
Tài sản dài hạn	**564**	**536**	**527**	**708**	**585**
Phải thu dài hạn	28.7	28.7	28.7	146	28.7
Tài sản cố định	241	235	229	227	224
Bất động sản đầu tư	202	199	197	198	198
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	20.0	0	0	63.3	63.3
Tài sản dài hạn khác	61.8	64.3	63.6	64.9	64.4
Lợi thế thương mại	10.5	9.68	8.87	8.07	7.26
Nợ phải trả	**5,696**	**5,938**	**6,114**	**5,566**	**5,433**
Nợ ngắn hạn	**5,415**	**5,258**	**5,439**	**4,832**	**4,703**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,788	1,796	1,725	1,534	1,415
Phải trả người bán ngắn hạn	1,657	1,595	1,472	1,294	1,270
Nợ dài hạn	282	679	675	734	730
Vay và nợ thuê dài hạn	273	670	666	661	657
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,530**	**1,531**	**1,535**	**1,569**	**1,584**
Vốn chủ sở hữu	**1,530**	**1,531**	**1,535**	**1,569**	**1,584**
Vốn điều lệ	891	891	891	891	891
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)